

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRƯƠNG VĂN NGU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRƯƠNG VĂN NGU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trương Ngọc Diệp	Hiệu trưởng, Chủ tịch hội đồng	Chủ tịch hội đồng	
2	Phan Thị Mai Hương	Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch hội đồng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Lưu Thị Hồng Thúy	Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch hội đồng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Phan Thị Hà	Giáo viên, thư ký	Thư ký hội đồng	
5	Phạm Đỗ Đạt	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên hội đồng	
6	Trần Phát Đạt	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Thị Huyền Trang	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên hội đồng	
8	Vũ Thị Thơm	Tổ trưởng tổ Toán – Tin	Ủy viên hội đồng	
9	Nguyễn Quỳnh Chi	Tổ trưởng tổ Văn	Ủy viên hội đồng	
10	Vũ Thị Mai Phương	Tổ trưởng tổ Anh	Ủy viên hội đồng	
11	Nguyễn Văn Dũng	Tổ trưởng tổ Sử – Địa – GDCD	Ủy viên hội đồng	
12	Phạm Thị Mỹ Duyên	Tổ trưởng tổ KHTN	Ủy viên hội đồng	
13	Huỳnh Đoàn Nhân Ái	Tổ trưởng tổ CN – GDTC – NT	Ủy viên hội đồng	
14	Trần Thị Hạnh Duy	Kế toán	Ủy viên hội đồng	
15	Lê Thị Diễm Chi	Văn thư – Học vụ	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	1
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	3
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	8
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	8
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	11
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.	11
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	12
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	14
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	16
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	18
Tiêu chí 1.5: Lớp học.	21
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	22
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	25
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	27
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	29
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	31
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	34
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	36
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	39
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	41
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	45
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.	47

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.	48
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.	50
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	51
Tiêu chí 3.5: Thiết bị.	53
Tiêu chí 3.6: Thư viện.	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.	58
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	60
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	62
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.	63
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	65
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.	67
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.	69
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.	70
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.	72
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	75
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	77

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X		
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X		
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3		X	X	

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.4		X		
Tiêu chí 3.5		X		
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	

Kết quả: Đạt Mức 1

2. Kết luận: Đạt Mức 1

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: THCS TRƯỜNG VĂN NGU

Tên trước đây: THCS TRƯỜNG VĂN NGU

Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Trương Ngọc Diệp
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Thủ Đức	Điện thoại	02838964867
Đạt CQG		Website	https://thcstruongvanngu.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	01/09/1995	Số điểm trường	02
Công lập	x	Loại hình khác	Không có
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	Không có
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không có
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Khối lớp 6	6	6	6	8	6
Khối lớp 7	6	6	6	6	7
Khối lớp 8	6	6	6	6	6
Khối lớp 9	6	6	6	5	6
Cộng	24	24	24	25	25

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	29	29	29	29	29	
1	Phòng học	25	25	25	25	25	
a	Phòng kiên cố	25	25	25	25	25	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng bộ môn	1	1	1	1	1	
a	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	3	3	3	3	3	
a	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	7	7	7	7	7	
1	Phòng kiên cố	7	7	7	7	7	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	2	2	2	2	2	
IV	Các công trình, khối	0	0	0	0	0	

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
	phòng chức năng khác						
	Cộng	38	38	38	38	38	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 12/2022

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	2	0	
Giáo viên	44	28	0	2	42	0	
Nhân viên	9	5	1	0	9	0	
Cộng	56	36	1	2	54	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Tổng số giáo viên	41	41	41	41	41
2	Tỷ lệ giáo viên/ lớp	1,71	1,71	1,71	1,71	1,71
3	Tỷ lệ giáo viên/ học sinh	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	0	0	2
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1002	985	1009	1052	1032	
	- Nữ	496	485	481	492	483	
	- Dân tộc thiểu số	34	47	52	51	50	
	- Khối lớp 6	277	268	263	303	297	
	- Khối lớp 7	247	261	272	257	250	
	- Khối lớp 8	240	243	245	262	259	
	- Khối lớp 9	238	213	229	230	226	
2	Tổng số tuyển mới	266	261	241	191	281	
3	Học 2 buổi/ngày	1002	985	1009	1052	1032	
4	Bán trú	549	543	520	525	480	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	42	41	42	42	41	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Nữ	496	485	481	492	483	
	- Dân tộc thiểu số	34	47	52	51	50	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	2/0	6/4	9/1	6/2	34/2	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng	36	30	27	20	21	

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
	chính sách						
	- Nữ	3	3	3	0	0	
	- Dân tộc thiểu số	4	6	5	0	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	33,6%	30,6%	39,6%	32,8%	31,6%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	34,7%	35,4%	33,1%	30,4%	33,8%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	5,7%	5,8%	4,6%	9,7%	9,1%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạng kiểm tốt	89,6%	86,6%	90,7%	83,4%	78,5%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạng kiểm khá	8,6%	12,6%	8,1%	15,4%	18,3%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạng kiểm trung bình	1,8%	0,8%	1,2%	1,2%	3,2%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngu, thành phố Thủ Đức được xây dựng trước năm 1975, lúc đó là trường dòng của Giáo xứ Thủ Đức. Sau năm 1975, trường được đổi tên là Trường cấp I Trương Văn Ngu. Đến năm 1995, trường tiếp tục được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngu theo Quyết định số 699/QĐ/UB ngày 05 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Đức về việc sắp xếp mạng lưới Giáo dục và Đào tạo huyện Thủ Đức. Trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngu có hai cơ sở. Cơ sở 1 tọa lạc tại số 49 Võ Văn Ngân, khu phố 2, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Cơ sở 2 tọa lạc tại số 27/5, đường 4, khu phố 3, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngu, thành phố Thủ Đức có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 trên địa bàn phường Linh Tây. Trường có hai cơ sở, khuôn viên của mỗi cơ sở khá chật hẹp, tổng diện tích hai cơ sở là 2723,1 m² trong đó diện tích sử dụng của trường ở cơ sở 1 là 676,8 m² ở phường Linh Chiểu và cơ sở 2 là 2046,3 m² ở phường Linh Tây. Cả hai cơ sở có 25 phòng học, 8 phòng làm việc và 2 phòng thí nghiệm thực hành. Các phòng học đều đủ điều kiện cho các hoạt động giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

Về cơ cấu tổ chức đoàn thể chính trị

Trường có chi bộ Đảng gồm 18 đảng viên (17 đảng viên chính thức và 01 đảng viên dự bị). Cấp ủy gồm 03 đồng chí (gồm 01 Bí thư, 01 Phó bí thư và 01 Ủy viên).

Trường có tổ chức Công đoàn gồm 56 công đoàn viên.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 08 đoàn viên.

Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh gồm 966 đội viên.

Về cơ cấu tổ chức chính quyền năm học 2022 - 2023

Cán bộ quản lý gồm 03 thành viên (01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng).

Có 01 tổ Văn phòng và 06 tổ chuyên môn gồm tổ Toán – Tin, tổ KHTN, tổ CN – GDTC – NT, tổ Văn, tổ Sử – Địa – GDCD, tổ Anh.

Việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 nói riêng và kế hoạch chiến lược phát triển của các nhà trường trong toàn ngành nói chung có một ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện chiến lược phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2020-2025. Cùng với các nhà trường xây dựng ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thủ Đức phát triển ổn định, chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương nói riêng, của Thành phố nói chung.

Quản lý và tổ chức dạy học theo yêu cầu đổi mới, phát huy sự sáng tạo, tích cực, chủ động của học sinh và khuyến khích sự sáng tạo, nghiên cứu của giáo viên. Chất lượng dạy của giáo viên và học của học sinh được nâng cao qua từng năm học.

Duy trì mối quan hệ thường xuyên, chặt chẽ với cha mẹ học sinh, tập hợp các đoàn thể và phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường ngày càng đạt hiệu quả trong các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Trường đảm bảo việc thực hiện dạy học 02 buổi/ngày cho tất cả học sinh, thực hiện chương trình chủ động, đảm bảo thời lượng dạy học và chuẩn kiến thức, kỹ năng. Thực hiện dạy học tích hợp, lồng ghép trong các môn học, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm thực tế, hướng nghiệp,... Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với khả năng học tập của học sinh và điều kiện của nhà trường. Ứng dụng công nghệ thông tin thường xuyên và đạt hiệu quả trong quản lý và dạy học. Chú trọng bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và tổ chức phụ đạo học sinh yếu kém theo kế hoạch hằng năm. Tổ chức các câu lạc bộ Âm nhạc, Mỹ thuật, steam, Thể dục thể thao trong nhà trường giúp học sinh phát triển năng khiếu, rèn luyện sức khỏe và vui chơi bổ ích.

Hằng năm, nhà trường thực hiện phổ cập bơi cho học sinh khối 6. Thường xuyên có kế hoạch sửa chữa, mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học và đồ dùng dạy học, định kỳ kiểm kê trang thiết bị, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập.

Trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, thực hiện chế độ báo cáo đúng tiến độ, chính xác, trung thực.

Trong năm 2022 – 2023 tính đến thời điểm tự đánh giá, trường đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, nhiều năm được khen thưởng trường có tỉ lệ học sinh đậu vào lớp 10 công lập cao.

2. Mục đích Tự đánh giá

Xác định nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường.

Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Tự đánh giá để xác định kết quả giáo dục của nhà trường, tự đánh giá còn là cơ hội để từng thành viên trong nhà trường nhìn lại quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, sự phối hợp, đoàn kết, thống nhất của các lực lượng trong quá trình xây dựng nhà trường. Từ đó, có biện pháp cụ thể nâng cao hiệu quả giáo dục và đào tạo của nhà trường

Phạm vi tự đánh giá: Toàn bộ các hoạt động nhà trường theo 5 tiêu chuẩn được qui định tại thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động Tự đánh giá

Trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngu tiến hành công tác tự đánh giá từ tháng 9 năm 2022 và hoàn thành vào tháng 12 năm 2022 theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhận thức đúng đắn về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác tự đánh giá nên các thành viên trong hội đồng đã tập trung làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, nghiêm túc để hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng quy định và đúng tiến độ thời gian.

Để công tác tự đánh giá của nhà trường được tiến hành thuận lợi và đạt hiệu quả, Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá số 135/KH-TVN ngày 06 tháng 9 năm 2022 gồm các bước như sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.

3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.
8. Gửi báo cáo tự đánh giá về Phòng Giáo dục và Đào tạo.
9. Đăng ký đánh giá ngoài.

Những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá: Báo cáo tự đánh giá đã trình bày đầy đủ 05 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí và chỉ báo của Mức 1, 2, 3 theo quy định. Mỗi tiêu chí mô tả rõ ràng hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu và đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng với những biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện của nhà trường. Với minh chứng được thu thập, sắp xếp và mã hóa một cách khoa học và đúng quy định.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Theo yêu cầu đổi mới quản lý trong ngành giáo dục hiện nay, trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngu, thành phố Thủ Đức muốn phát triển hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh phải đặt ra chiến lược phát triển với những yêu cầu, tiêu chuẩn được xác định rõ ràng, phù hợp không những với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp Trung học cơ sở được quy định tại Luật Giáo dục mà còn phải phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường, của ngành và đặc biệt của địa bàn thành phố Thủ Đức. Việc định ra chiến lược phát triển này không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu quy hoạch mà còn được công bố công khai, rộng rãi trong toàn Hội đồng sư phạm, Hội đồng nhà trường. Trong việc xây dựng chiến lược phát triển đơn vị, một trong những yêu cầu cơ bản và quan trọng nhất để chiến lược này mang tính khả thi đó là nó phải phù hợp với các nguồn lực của nhà trường, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và định kỳ được rà soát, bổ sung, điều chỉnh.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

- a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*
- b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*
- c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngu đã xây dựng Kế hoạch Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2016 – 2020 và giai đoạn 2020 – 2025 có nội dung phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp Trung học cơ sở được quy định tại Luật giáo dục, với các nguồn lực của nhà trường và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương: giáo dục Trung học cơ sở nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục Tiểu học; đảm bảo có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học Trung học phổ thông, Trung cấp học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động. Bên cạnh đó, mục tiêu Kế hoạch Chiến lược phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội đã được xác định trong Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức về định hướng phát

triển kinh tế - xã hội của địa phương: giáo dục - đào tạo được nâng cao chất lượng, các trường luôn quan tâm công tác giáo dục toàn diện cho học sinh. Hoàn thành các chỉ tiêu ra lớp của các cấp học; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông [H1-1.1-01].

b) Kế hoạch Chiến lược phát triển của Trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngu giai đoạn 2016 – 2020 và Kế hoạch Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 – 2025 đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức phê duyệt. [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch Chiến lược phát triển nhà trường đã được thông báo công khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh thông qua các cuộc họp, niêm yết trên các bảng thông báo và đăng tải trên website của trường <http://thestruongvanngu.hcm.edu.vn/> [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện Kế hoạch Chiến lược phát triển nhà trường như: định kỳ họp các bộ phận nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ trong từng giai đoạn; có đánh giá, đề xuất và bổ sung các giải pháp thực hiện [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Trường có tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tuy nhiên, việc xây dựng phương hướng và phát triển chiến lược còn hạn chế do nhà trường còn khó khăn về cơ sở vật chất [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Các mục tiêu trong chiến lược phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và mục tiêu giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở. Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển, nhà trường đã kịp thời điều chỉnh đề ra mục tiêu phấn đấu và biện pháp thực hiện mang tính khả thi.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đủ diện tích, cơ sở vật chất để phục vụ chiến lược phát triển giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn từ năm 2020 – 2025 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng sẽ tổ chức sơ kết theo định kỳ, rút ra những ưu điểm và hạn chế trên cơ sở các ý kiến góp ý nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển. Trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngự, thành phố Thủ Đức đang được đề nghị xây mới tại phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác đúng theo quy định. Hội đồng trường Trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngự nhiệm kỳ 2021 – 2026 được Ủy ban Nhân dân thành phố Thủ Đức công nhận theo Quyết định số 5926/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021 với 15 thành viên. Hằng năm, vào đầu năm học Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng Thi đua khen thưởng và các hội đồng khác như: Hội đồng Tuyển sinh, Hội đồng Xét, công nhận sáng kiến, Hội đồng Xét tốt nghiệp Trung học cơ sở [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

b) Hội đồng trường đã đề ra “Quy chế hoạt động của Hội đồng trường”, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định Điều lệ trường trung học cơ sở. Các Hội đồng khác thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy

định của Pháp luật như: Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập hằng năm, xây dựng và tổ chức các phong trào thi đua; xét và công nhận các danh hiệu thi đua của tập thể và cá nhân vào cuối học kỳ và cuối năm học; đồng thời đề nghị tuyên dương, khen thưởng những cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đạt thành tích xuất sắc trong các hoạt động; Hội đồng tuyển sinh được thành lập vào tháng 6 hằng năm để thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp; Hội đồng xét, công nhận sáng kiến được thành lập khi có hướng dẫn từ bộ phận Thi đua phòng giáo dục để thẩm định, xét và công nhận những sáng kiến của cán bộ, giáo viên; Hội đồng xét tốt nghiệp Trung học cơ sở có nhiệm vụ xét và đề nghị công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở cho học sinh lớp 9 [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

c) Cuối học kỳ và cuối năm học nhà trường tiến hành rà soát, nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Kịp thời miễn nhiệm và bổ sung các thành viên của các Hội đồng theo quy định [H1-1.1-04].

Mức 2:

Hằng năm, các hội đồng hoạt động thường xuyên theo quy định và có nhiều đóng góp tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, một vài thành viên của Hội đồng trường chưa mạnh dạn đề xuất ý kiến, giải pháp xây dựng Kế hoạch Chiến lược phát triển nhà trường [H1-1.1-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các hội đồng tư vấn hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định của pháp luật.

3. Điểm yếu

Một vài thành viên của Hội đồng trường chưa mạnh dạn đề xuất ý kiến, giải pháp xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 – 2023 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chủ động họp đánh giá, rà soát kịp thời các hoạt động của các hội đồng trong nhà trường. Từ đó, thúc đẩy các

hoạt động của Hội đồng trường có hiệu quả hơn nữa góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Các tổ chức đoàn thể của nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định: tổ chức Công đoàn gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 01 Trưởng ban Nữ công, 01 Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Công đoàn và 01 Ủy viên. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 09 đoàn viên trực thuộc Đoàn phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức. Đội Thiếu niên Tiên

phong Hồ Chí Minh với 966 đội viên trực thuộc Hội đồng Đội thành phố Thủ Đức [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

b) Các tổ chức, đoàn thể của nhà trường đều hoạt động theo đúng quy định. Các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Chi đoàn, Liên Đội thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc quản lý và điều hành, giám sát các hoạt động của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

c) Hằng năm nhà trường thực hiện đánh giá, rút kinh nghiệm hoạt động của tổ chức đoàn thể thông qua báo cáo tổng kết của từng đoàn thể và tổ chức [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

Mức 2:

a) Chi bộ trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngu có 18 đảng viên, hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ lãnh đạo toàn diện các hoạt động chính trị trong nhà trường. Các đảng viên thể hiện vai trò nòng cốt, xung kích trong các hoạt động của nhà trường. Kết quả xếp loại Chi bộ các năm đều đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-07].

b) Các đoàn thể, tổ chức phối hợp chặt chẽ với nhà trường, tích cực trong các hoạt động và đạt xếp loại ở mức cao nhất: Công đoàn đạt vững mạnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đạt vững mạnh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đạt xuất sắc. Tuy nhiên, độ tuổi trung bình của đoàn viên trong chi đoàn khá cao, nhiều đoàn viên đến tuổi trưởng thành Đoàn, các năm tới số lượng đoàn viên giảm làm ảnh hưởng đến các hoạt động của Chi đoàn nhà trường [H1-1.3-08].

Mức 3:

a) Năm 2019 chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Các năm còn lại hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-07].

b) Các đoàn thể có nhiều đóng góp hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường: Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội xây dựng và tổ chức tốt các hoạt động với từng chủ đề, chủ điểm, theo chỉ đạo từ cấp trên, phù hợp với điều kiện thực tế góp phần thực hiện hiệu quả hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường. Tuy nhiên, đa số đoàn viên chi đoàn là giáo viên mới ra trường, tập trung nhiều cho hoạt động chuyên môn, phong trào của đơn vị và

tham gia các hoạt động của địa phương nhưng chưa tổ chức được các sân chơi thu hút thanh niên địa phương cùng tham gia [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08];

2. Điểm mạnh

Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, đóng góp tích cực, đạt hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Lực lượng đoàn viên giảm hàng năm và đang già hóa đội ngũ cán bộ đoàn (vượt quá tuổi đoàn) nên các hoạt động của chi đoàn chưa huy động nhiều đoàn viên tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 - 2023 và các năm học tiếp theo, tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường theo đúng Điều lệ trường trung học và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bí thư Chi bộ chỉ đạo Bí thư Chi đoàn rà soát lại các đoàn viên đến tuổi trưởng thành và đề nghị đoàn viên tiếp tục hỗ trợ các hoạt động đoàn vào các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) *Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*

b) *Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý nhà trường gồm 03 thành viên: 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức bổ nhiệm. Các thành viên đảm bảo đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác. [H1-1.4-01].

b) Nhà trường có đầy đủ tổ Văn phòng và các tổ chuyên môn, bao gồm 07 tổ (tổ Văn phòng, tổ Văn, tổ Toán – Tin, tổ Anh, tổ KHTN, tổ CN – GDTC – NT, tổ Sử – Địa – GDCD). Các tổ thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường trung học. Tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm [H1-1.4-02].

c) Các tổ trưởng chuyên môn căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ năm học tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, nhóm chuyên môn; đồng thời căn cứ lịch công tác tháng, tuần của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động tháng và tuần của tổ. Tổ chuyên môn sinh hoạt mỗi tháng hai lần, có biên bản sinh hoạt tổ. Các tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục của các thành viên trong tổ thông qua buổi họp chuyên môn; tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thông qua tổ chức chuyên đề. Tổ Văn phòng hỗ trợ hiệu trưởng thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý về tài chính, cơ sở vật chất trong nhà trường, hạch toán kế toán, thống kê; tham gia đánh giá, xếp loại viên chức theo quy định và lưu trữ hồ sơ của nhà trường đúng quy định. Tổ Văn phòng họp định kỳ ít nhất 01 lần một tháng nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm và triển khai công việc theo sự chỉ đạo trực tiếp của hiệu trưởng [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Mỗi năm học, dựa trên yêu cầu thực tế, các tổ chuyên môn đề xuất và xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề, thao giảng. Mỗi tổ khối thực hiện ít nhất 01 chuyên đề/học kỳ nhằm giúp giáo viên học tập, nâng cao tay nghề, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-06].

b) Hằng tháng tại các buổi sinh hoạt chuyên môn, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng thực hiện nhận định, đánh giá tiến độ, chất lượng nhiệm vụ được phân công. Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng chuyên môn kiểm tra, nhận xét việc thực hiện các nhiệm vụ năm học của tổ chuyên môn. Hằng năm, nhà trường báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận trong nhà trường thông qua báo cáo tổng kết năm học. [H1-1.4-08].

Mức 3:

a) Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn luôn bám sát kế hoạch giáo dục của nhà trường đã đảm bảo sự thống nhất trong việc thực hiện các chỉ tiêu. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng tuy có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường nhưng hiệu quả chưa cao. [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

b) Định kỳ tổ chuyên môn thực hiện các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, nội dung sinh hoạt chuyên đề các tổ chuyên môn chưa xoáy sâu vào các biện pháp nâng cao chất lượng bộ môn. [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường thực hiện theo quy định của Điều lệ trường trung học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau mỗi học kỳ, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều được hiệu trưởng định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động của mình theo quy định chung.

3. Điểm yếu

Nội dung sinh hoạt chuyên đề các tổ chuyên môn chưa xoáy sâu vào các biện pháp nâng cao chất lượng bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023, cán bộ quản lý tăng cường kiểm tra việc vận dụng chuyên đề vào giảng dạy của giáo viên thông qua công tác thăm lớp dự giờ, trao đổi chuyên môn., nhằm nâng cao chất lượng bộ môn để các tổ học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường có đủ 04 khối lớp, trong đó: khối 6 có 7 lớp; khối 7 có 5 lớp; khối 8 có 6 lớp; khối 9 có 6 lớp [H1-1.5-01].

b) Mỗi lớp đều có một Lớp trưởng và các Lớp phó do tập thể lớp bầu ra. Học sinh trong mỗi lớp được chia thành 04 tổ; mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó do học sinh trong tổ bầu ra [H1-1.5-02].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản của Ban cán sự lớp. Hằng tuần, Ban cán sự lớp điều hành sinh hoạt dưới sự chỉ đạo của giáo viên chủ nhiệm lớp như: tự quản lý lớp, chăm sóc cây xanh, tự quản trật tự, biết cách nêu ý kiến xây dựng lớp... [H1-1.5-02].

Mức 2:

Trường có 24 lớp, nhiều lớp có số học sinh vượt theo quy định. Lớp có số đông nhất là 46 học sinh/lớp. Tổng diện tích sử dụng của trường chưa đủ theo tiêu chuẩn quy định, chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H1-1.5-01]; [H1-1.5-03].

Mức 3:

Trường có 24 lớp, đa số vượt so với quy định không quá 45 học sinh/lớp [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức các khối lớp học của nhà trường đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu

Số học sinh còn vượt so với quy định, tổng diện tích sử dụng của trường chưa đủ theo tiêu chuẩn quy định, chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 5 năm 2022, lãnh đạo nhà trường tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức để giảm số lượng học sinh chuyển về, thực hiện biên chế các khối lớp có số học sinh đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có hệ thống hồ sơ, các văn bản được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ. Về quản lý tài chính, quản lý tài sản được lưu trữ và bảo quản cẩn thận ở bộ phận kế toán, lưu trữ hồ sơ chứng từ theo quy định [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08].

b) Hằng năm, nhà trường có lập dự toán ngân sách Nhà nước và được cấp trên phê duyệt, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước, phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Thủ Đức và lưu trữ hồ sơ đầy đủ [H1-1.6-08].

Việc xây dựng Quy chế Chi tiêu nội bộ của trường luôn có sự kế thừa của các năm trước và được cập nhật bổ sung điều chỉnh trên cơ sở ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong Hội nghị Cán bộ công chức, viên chức hằng năm. Vì vậy, Quy chế Chi tiêu nội bộ luôn rõ ràng và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.6-09].

c) Hằng năm, trong Hội nghị Cán bộ công chức, viên chức nhà trường đều có báo cáo chi tiết rõ ràng và thông qua dự toán thu chi cho năm học. Việc sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích theo Quy chế Chi tiêu nội bộ của trường, có xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm và thực hiện có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Công khai trên các bảng thông tin của nhà trường theo quy định công khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.6-09]; [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11].

Mức 2:

a) Nhân viên Kế toán sử dụng phần mềm ASC trong việc thu học phí; phần mềm quản lý tài sản nhà nước trong công tác quản lý tài chính và tài sản của nhà trường; phần mềm ứng dụng như: ePMIS, PMIS, V-EMIS và chương trình quản lý cán bộ công chức, viên chức do Sở Nội vụ triển khai để quản lý hồ sơ cá nhân nhà trường. Các thông tin được cập nhật đầy đủ, kịp thời, đúng quy định [H1-1.6-12].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản sau các kỳ kiểm tra [H1-1.6-11].

Mức 3:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch ngắn hạn (trong một năm học) để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường nhưng chưa xây dựng kế hoạch trung hạn 03 năm, dài hạn 05 năm để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản. Thực hiện lưu trữ hồ sơ, chứng từ, lập dự toán, thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước. Thực hiện công tác tự kiểm tra và công khai tài chính theo quy định. Quy chế Chi tiêu nội bộ rõ ràng phù hợp với thực tế đơn vị.

3. Điểm yếu

Nhà trường có xây dựng kế hoạch ngắn hạn nhưng chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy và nâng cao việc thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Trong năm 2023, Hiệu trưởng cùng Hội đồng trường sẽ xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn 03 năm và dài hạn 05 năm để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương nhằm định hướng cho công tác lập dự

toán ngân sách nhà nước; xác định thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho từng lĩnh vực, từng nhiệm vụ, từng hoạt động; đảm bảo chế độ, chính sách.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, Hiệu trưởng thực hiện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01].

b) Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp năng lực cá nhân, kỹ năng sư phạm, sự am hiểu về tâm sinh lý học sinh cho từng thành viên trong nhà trường nhằm đảm bảo hiệu quả các hoạt động chung. Công tác bố trí phân công nhân sự được nhà trường thực hiện công bằng, phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác của cá nhân và yêu cầu công việc của nhà trường. Tuy nhiên, việc phân công chuyên môn, sắp xếp thời khóa biểu còn gặp khó khăn khi nhà trường còn thiếu giáo viên [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; được trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức đoàn thể tham gia quản lý nhà trường; được cử tham gia các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn,

nghị vụ; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, an toàn thân thể; được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ bảo hiểm y tế; hưởng các chính sách quy định đối với nhà giáo và các quyền lợi ghi trong Nghị quyết Hội nghị Cán bộ công chức, viên chức; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo quy chế dân chủ tại cơ sở và quy chế đối thoại với người lao động; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật như: được phân công đúng chuyên ngành đào tạo, được đảm bảo các chính sách về tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tiền trợ cấp, được nghỉ phép, nghỉ ốm, ... theo đúng quy định [H1-1.6-10]; [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động theo hướng dẫn của ngành tác động tích cực tới hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường, từ đó phát hiện được nhiều cá nhân điển hình tiên tiến [H1-1.3-01].

Mỗi năm học, Hội đồng thi đua nhà trường thực hiện đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng theo đúng quy định của Nhà nước. [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện việc quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh chặt chẽ theo đúng quy định.

Nhà trường đã tổ chức tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động theo hướng dẫn của ngành tác động tích cực tới hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường từ đó phát hiện được nhiều cá nhân điển hình tiên tiến.

3. Điểm yếu

Việc phân công chuyên môn, sắp xếp thời khóa biểu còn gặp khó khăn vì thiếu giáo viên, nhân viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện việc quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh chặt chẽ theo đúng quy định. Đồng thời, Hiệu trưởng phối hợp cùng các Phó Hiệu trưởng

linh hoạt tìm nguồn giáo viên thỉnh giảng, chủ động sắp xếp thời khóa biểu kịp thời nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động chuyên môn của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ chương trình giáo dục và kế hoạch thời gian năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch để tổ chức và điều hành hoạt động giáo dục. Hằng tháng, nhà trường có Kế hoạch tháng với những nội dung công việc cụ thể. Các kế hoạch được xây dựng phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ khung chương trình môn học theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 và Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông. Kế hoạch giáo dục được tổ chức thực hiện đầy đủ theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Chủ động giao quyền cho giáo viên trong việc cụ thể hóa phân phối chương trình học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực học sinh một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với thực tế từng khối lớp đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng và thời lượng dạy học; linh hoạt xây dựng các nội dung tích hợp vào các môn học.

Nhà trường có kế hoạch quản lý các hoạt động giáo dục chính khóa thông qua việc giảng dạy các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình phổ thông của cấp học; tổ chức các hoạt động Giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề, chủ điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo được thực hiện đầy đủ [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]. Tuy nhiên, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm sáng tạo còn chưa đa dạng, phong phú.

c) Hằng tháng, căn cứ vào tình hình thực tế nhà trường, các tổ chuyên môn rà soát, đánh giá lại các công việc đã làm để từ đó điều chỉnh kịp thời các kế hoạch tháng cho phù hợp từng thời điểm công tác. Sau mỗi học kỳ, mỗi năm học, các tổ nhóm, bộ phận rà soát hồ sơ và thực hiện lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định [H1-1.8-04];

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt hiệu quả. Nhà trường thực hiện dạy học 02 buổi/ngày đối với tất cả học sinh nên không tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường [H1-1.8-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục.

Nhà trường cũng định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Để từ đó các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm sáng tạo còn chưa đa dạng, phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ tạo điều kiện cho giáo viên chủ nhiệm tham gia học tập các lớp chuyên đề về hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm sáng tạo do Sở giáo dục và đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức tổ chức để nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường thông qua Hội nghị Cán bộ công chức, viên chức được tổ chức vào đầu năm học để đội ngũ bàn bạc, thảo luận, thống nhất về nghĩa vụ, quyền lợi, các chỉ tiêu phấn đấu cần thực hiện trong năm học mới. Ban Thanh tra nhân dân giám sát việc thực hiện qua việc kiểm tra định kỳ. Nhà trường nghiêm túc thực hiện công khai tài chính hằng tháng tại bảng thông tin phòng giáo viên để tất cả đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được biết và thông báo trong các buổi họp Hội đồng sư phạm [H1-1.6-12]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

Các kế hoạch hoạt động chuyên môn, hoạt động giáo dục trong năm học, mỗi học kỳ và từng tháng đều được cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bàn bạc và thống nhất trong các kỳ họp với đại diện đoàn thể, tổ nhóm, họp Hội đồng sư phạm. [H1-1.9-02]; [H1-1.9-04].

b) Nhà trường đã xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường và đảm bảo thực hiện theo đúng Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Tất cả các hoạt động đều được phổ biến công khai trong toàn trường, tạo điều kiện cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh tham gia trao đổi, bàn bạc, đóng góp ý kiến. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường không có trường hợp khiếu nại, tố cáo. Riêng các kiến nghị, phản ánh của cán bộ giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được giải quyết hợp tình, hợp lý đúng quy định pháp luật [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

c) Định kỳ hằng quý, 06 tháng, 09 tháng và hằng năm, nhà trường báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04]. Tuy nhiên công tác báo cáo còn chậm so thời gian quy định.

Mức 2:

Định kỳ Ban Thanh tra nhân dân của trường thực hiện kiểm tra tài chính và công khai trên bảng thông tin ở phòng giáo viên. Hằng năm, vào đầu tháng 9, trường xây dựng dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ, lấy ý kiến đóng góp trong Hội đồng trường và tập thể sư phạm. Quy chế có hiệu lực sau khi đã thống nhất trong Hội nghị Cán bộ công chức, viên chức [H1-1.6-12]; [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo đúng quy định khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Các kiến nghị, phản ánh được nhà trường giải quyết theo đúng thẩm quyền và đúng pháp luật quy định.

Cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Công tác báo cáo còn chậm so thời gian quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng ủy cấp trên, kịp thời báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở theo quy định. Tiếp tục xây dựng và triển khai Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường; Quy chế phối hợp hoạt động giữa cán bộ quản lý với các tổ chức trong nhà trường ngay từ đầu năm học.

Trong các cuộc họp định kỳ hiệu trưởng phối hợp với chủ tịch công đoàn báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo đúng thời gian quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đều xây dựng các kế hoạch đảm bảo an toàn cho đội ngũ và học sinh với phương án an toàn phòng cháy chữa cháy, ngộ độc thực phẩm, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích. Bộ phận phụ trách Y tế xây dựng Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh theo mùa. Tổ chức các chuyên đề phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]

Nhà trường thực hiện tốt công tác trật tự, an toàn trong và ngoài nhà trường: phối hợp với địa phương trong công tác giữ gìn trật tự an ninh trước cổng trường vào đầu giờ học và giờ về. Tuy nhiên, do vị trí trường nằm ngay mặt tiền đường Võ Văn Ngân nơi có mật độ phương tiện giao thông cao ảnh hưởng phần nào đến an toàn của học sinh khi ra về. Hiệu trưởng chỉ đạo thường xuyên kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, suất ăn công nghiệp; định kỳ hằng năm kiểm tra hệ thống nước tinh khiết [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành về phòng, chống cháy nổ. Định kỳ kiểm tra các thiết bị điện, các bình chữa cháy. Tổ chức các buổi truyền thông, tập huấn các kỹ năng phòng chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai, kỹ năng sơ cấp cứu, phòng chống cháy nổ, cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường [H1-1.10-07].

Các nhân viên bảo vệ đảm bảo trực 24/24 giờ tại trường, thực hiện kiểm tra, kiểm soát phương tiện, người và tài sản ra, vào nhà trường để phát hiện và phối hợp ngăn chặn các hiện tượng gây mất trật tự xã hội trong nhà trường, ngăn chặn các hiện tượng xâm phạm tài sản công, tài sản của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-08].

b) Nhà trường có trang bị hộp thư học đường, phòng Tư vấn học đường để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của học sinh và cha mẹ học sinh. Định kỳ, Hiệu trưởng chỉ đạo Tổng phụ trách tổ chức các buổi tọa đàm giữa những thành viên đứng đầu của các tổ chức đoàn thể và học sinh diễn đàn “Điều em muốn nói” để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng cũng như những kiến nghị của các em trong quá trình học tập tại trường. Nhà trường đã đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường về tình hình an toàn điện nước, phòng chống cháy nổ, vệ sinh phòng chống dịch bệnh... Trong nhiều

năm qua, tình hình an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường học được đảm bảo tốt, trường không xảy ra dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm tập thể; không để xảy ra tai nạn, thương tích trong nhà trường [H1-1.10-09]; [H1-1.10-10]; [H1-1.10-11].

c) Công tác tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường luôn được nhà trường quan tâm thực hiện thông qua các giờ sinh hoạt dưới cờ, các buổi giáo dục kỹ năng sống và các tiết sinh hoạt chủ nhiệm. Vì vậy học sinh của nhà trường luôn đoàn kết và giúp đỡ nhau trong sinh hoạt và học tập, không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm Luật về bình đẳng giới xảy ra trong nhà trường, không xảy ra các trường hợp học sinh bạo lực, đánh nhau gây thương tích trong nhà trường [H1-1.10-03].

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường mời báo cáo viên để tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự như: quan sát camera trong và ngoài nhà trường, ghi nhận của đội sao đỏ,... thông tin đến giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách và giám thị để có biện pháp phối hợp với phụ huynh ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.5-02]. Tuy nhiên, còn tình trạng bán hàng rong lấn chiếm trước cổng trường ở cơ sở 2, gây ảnh hưởng đến việc lưu thông vào giờ học sinh tan trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Đội ngũ giáo viên và công nhân viên có trách nhiệm và luôn quan tâm đến học sinh.

Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

3. Điểm yếu

Còn tình trạng bán hàng rong lấn chiếm trước cổng trường ở cơ sở 2, gây ảnh hưởng đến việc lưu thông vào giờ học sinh tan trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tăng cường giáo dục ý thức tự giác thực hiện các quy định góp phần giữ gìn an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong nhà trường cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh.

Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp với Công an Phòng cháy chữa cháy quận tổ chức tập huấn về kiến thức, kỹ năng phòng cháy chữa cháy và diễn tập các phương án xử lý khi có cháy nổ trong trường học cho các thành viên trong nhà trường.

Năm học 2022 – 2023 và những năm tiếp theo, Tổng phụ trách, Bí thư đoàn và cán bộ y tế đẩy mạnh tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm. Đồng thời, Hiệu trưởng phối hợp chặt chẽ với công an phường Linh Tây để giải quyết vấn đề lấn chiếm lề đường của hàng rong, đảm bảo an toàn cho học sinh trong và ngoài nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật

Các mục tiêu trong chiến lược phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và mục tiêu giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở. Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển, nhà trường đã kịp thời điều chỉnh đề ra mục tiêu phấn đấu và biện pháp thực hiện mang tính khả thi.

Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, đóng góp tích cực, đạt hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động.

Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường thực hiện theo quy định của Điều lệ trường trung học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường đã thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực

phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Đội ngũ giáo viên và công nhân viên có trách nhiệm và luôn quan tâm đến học sinh.

Điểm yếu cơ bản

Lực lượng đoàn viên giảm hàng năm và đang già hóa đội ngũ cán bộ đoàn (vượt quá tuổi đoàn) nên các hoạt động của chi đoàn chưa huy động nhiều đoàn viên tham gia.

Nội dung sinh hoạt chuyên đề các tổ chuyên môn chưa xoáy sâu vào các biện pháp nâng cao chất lượng bộ môn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Điểm yếu:

Điểm yếu cơ bản

Lực lượng đoàn viên giảm hàng năm và đang già hóa đội ngũ cán bộ đoàn (vượt quá tuổi đoàn) nên các hoạt động của chi đoàn chưa huy động nhiều đoàn viên tham gia.

Nội dung sinh hoạt chuyên đề các tổ chuyên môn chưa xoáy sâu vào các biện pháp nâng cao chất lượng bộ môn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 10/10 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/10 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 8/10 - Tỉ lệ: 80%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 2/10 - Tỉ lệ: 20%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 0/5 - Tỉ lệ: 0%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 5/5 - Tỉ lệ: 100%

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ đào tạo trên chuẩn, được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định, được giáo viên, nhân viên nhà trường tin nhiệm cao. Đội ngũ giáo viên có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao đảm bảo cho việc thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đạt chuẩn trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp. Nhân viên được phân công phù hợp với công việc, hợp lý theo năng lực. Số lượng học sinh đảm bảo về tuổi đi học và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) *Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) *Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) *Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) *Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tại thời điểm tự đánh giá, trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngu có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức ký quyết định bổ nhiệm. Tất cả Cán bộ quản lý đều có trình độ đào tạo chuẩn, có trình độ chính trị, trình độ Ngoại ngữ, Tin học cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn được quy định tại Điều 11 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đã tham gia giảng dạy từ 05 năm trở lên [H1-1.4-01].

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Trình độ chính trị	Số năm dạy học
01	Trương Ngọc Diệp	Hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	21
02	Phan Thị Mai Hương	Phó hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	27
03	Lưu Thị Hồng Thúy	Phó hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	19

b) Hằng năm, nhà trường đã tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đánh giá hiệu trưởng và phó hiệu trưởng theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Tất cả cán bộ quản lý đều được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo cũng như tập thể sư phạm nhà trường đánh giá loại Xuất sắc theo Thông tư 29/2009/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009 và đánh giá loại Tốt theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

c) Cán bộ quản lý của nhà trường được tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên. Đã tham gia học tập nâng chuẩn trình độ đào tạo chuyên môn, tham gia lớp quản lý cấp phòng, các phó hiệu trưởng đã tham gia lớp Bồi dưỡng Chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở Hạng II, 01 phó hiệu trưởng tham gia lớp bồi dưỡng

giáo viên Khoa học tự nhiên ở trường Trung học cơ sở; đồng thời thường xuyên tham gia nghiêm túc các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chính trị, về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục do các cấp tổ chức [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2016 đến năm 2020, tất cả cán bộ quản lý được đánh giá đạt Chuẩn hiệu trưởng ở mức Tốt trở lên [H2-2.1-01].

b) Cán bộ quản lý có trình độ Trung cấp lý luận chính trị. Tất cả cán bộ quản lý đều có phẩm chất đạo đức trong sáng, nhiệt tình, trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong công tác, làm việc khoa học, đoàn kết và toàn tâm, toàn ý vì sự phát triển của nhà trường. Hằng năm, cán bộ quản lý nhà trường được giáo viên, nhân viên nhà trường nhận xét, đánh giá tín nhiệm cao. Tuy nhiên do điều kiện dịch bệnh, cán bộ quản lý chưa sắp xếp tham gia học lớp thạc sĩ quản lý giáo dục [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, cán bộ quản lý nhà trường được lãnh đạo và đội ngũ đánh giá Chuẩn hiệu trưởng ở mức Tốt và Xuất sắc theo chu kỳ đánh giá [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý nhà trường có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng xu thế đổi mới giáo dục và đào tạo trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

Tất cả cán bộ quản lý đều có phẩm chất đạo đức trong sáng, nhiệt tình, trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong công tác, làm việc khoa học, đoàn kết và toàn tâm toàn ý cho sự nghiệp của nhà trường, vì học sinh; được sự tín nhiệm của tập thể sư phạm nhà trường, học sinh và cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Do điều kiện dịch bệnh, cán bộ quản lý chưa tham gia học lớp thạc sĩ quản lý giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo, cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ quản lý để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo. Cán bộ quản lý chủ động sắp xếp tham gia học lớp thạc sĩ quản lý giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2022 – 2023, trường có 44 giáo viên (tỷ lệ giáo viên/lớp là 1,72%) đảm bảo cho việc thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H1-1.7-02].

b) Từ năm 2018 đến năm 2022, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo. Để đáp ứng quy định về chuẩn trình độ đào tạo nhà trường đã có Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn cho giáo viên theo lộ trình [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

c) Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức Đạt trở lên [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Đến thời điểm tự đánh giá, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp, nhà trường có 03 giáo viên đang tham gia lớp nâng chuẩn trình độ đào tạo [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% giáo viên của trường đạt Chuẩn nghề nghiệp ở mức Đạt và trên 80% giáo viên ở mức Khá trở lên [H1-1.4-05].

c) Giáo viên của nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh và có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có giáo viên bị kỷ luật [H2-2.2-02]; [H2-2.2-03].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng đã tổ chức đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo chu kỳ đánh giá hai năm một lần, nhà trường có 45% giáo viên đạt chuẩn ở mức Khá và có 50% đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Tốt [H1-1.4-05].

b) Trường chưa có giáo viên thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp ở mức Tốt có tỷ lệ cao. Trường không có giáo viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Trường chưa có giáo viên thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng và tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp nâng chuẩn trình độ đào tạo.

Đầu năm học 2022 – 2023, Cán bộ quản lý động viên, khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ về tài chính cho giáo viên có năng lực thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ số lượng nhân viên phụ trách các bộ phận như: nhân viên Văn thư, nhân viên Kế toán, nhân viên Thiết bị, nhân viên y tế,... theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định Mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Hiệu trưởng đã phân công các nhân viên hiện có theo văn bằng và năng lực kiêm nhiệm thêm các nhiệm vụ như y tế học đường, học vụ, thủ quỹ [H2-2.3-01]. Tuy nhiên trường còn thiếu nhân viên thư viện.

b) Mỗi đầu năm học, Hiệu trưởng căn cứ trình độ chuyên môn được đào tạo, năng lực, kinh nghiệm thực tế của từng nhân viên để ra quyết định phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế của mỗi người [H2-2.3-01]; [H1-1.7-02].

c) Tất cả các nhân viên phối hợp hoạt động tốt, đảm bảo đầy đủ các hoạt động hành chính trong nhà trường và đều được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.7-07].

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định Mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.7-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có nhân viên bị kỷ luật [H2-2.3-01].

Mức 3:

a) Nhân viên Kế toán, nhân viên Văn thư, nhân viên Thiết bị, nhân viên y tế đạt trình độ Đại học đáp ứng được vị trí việc làm. [H2-2.2-01].

b) Các nhân viên của trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng Trung cấp lý luận chính trị do Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Thủ Đức tổ chức [H2-2.3-01]; [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

100% nhân viên của trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có nhân viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn thiếu nhân viên thư viện

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng giáo dục và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức tuyển dụng nhân viên thư viện đảm bảo trình độ theo đúng quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tất cả học sinh của trường đều đảm bảo về độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.5-01].

b) Đầu mỗi năm học, trong tiết sinh hoạt chủ nhiệm nhà trường triển khai những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và các hành vi học sinh không được làm (Điều 34, 35,

36 và Điều 37 trong Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học) trong các tiết sinh hoạt chủ nhiệm. Mỗi học sinh được cập nhật mới Nội quy học sinh nhằm giáo dục trách nhiệm cá nhân trong sinh hoạt, tuy nhiên hằng năm vẫn còn một số ít học sinh chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ khi đến trường do nhiều nguyên nhân khác nhau như đi trễ, quên tập sách,.. [H1-1.5-02].

c) 100% học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học: được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện; được tôn trọng và bảo vệ; được đối xử bình đẳng, dân chủ; được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện; được nhận học bổng hoặc trợ cấp khác theo quy định; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.5-02]; [H2-2.4-01].

Mức 2:

Học sinh trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngư đa số ngoan, lễ phép, biết kính trọng thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường; luôn đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; tự giác thực hiện tốt nội quy nhà trường. Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời và áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp. Giáo viên chủ nhiệm lớp thực hiện công tác tư vấn cho học sinh nhận thức hành vi sai trái và phối hợp với cha mẹ học sinh để cùng điều chỉnh hành vi do đó các em đều có những chuyển biến tích cực [H1-1.5-02].

Mức 3:

Hằng năm, học sinh của trường rất nỗ lực và đã có nhiều thành tích trong học tập như đạt thành tích Học sinh giỏi các bộ môn văn hóa cấp trường, cấp thành phố Thủ Đức và nhiều giải thưởng phong trào, thể dục thể thao. Tuy nhiên, ở bộ môn Lịch sử, Địa lý số học sinh giỏi Thành phố Thủ Đức còn hạn chế [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Tất cả học sinh của trường đều đảm bảo về độ tuổi theo quy định, 100% học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở,

trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Điểm yếu

Còn vài học sinh thực hiện chưa tốt nội quy như vi phạm đi học trễ, quên tập sách,...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện nghiêm túc Kế hoạch tuyển sinh các lớp đầu cấp của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, tiếp tục đảm bảo các quyền cho học sinh theo quy định.

Trong học kỳ I, năm học 2022 – 2023 và các năm học sau, Hiệu trưởng phân công cho Tổng phụ trách và Bí thư chi đoàn tăng cường thực hiện tuyên truyền, giáo dục học sinh vào các tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần, đồng thời chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm hằng tuần nắm tình hình học tập, nề nếp, trật tự, kỷ luật của lớp chủ nhiệm để kịp thời tuyên dương học sinh thực hiện tốt và nhắc nhở, có biện pháp giáo dục phù hợp đối với học sinh vi phạm.

Trong năm học 2022 – 2023, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng thường xuyên động viên các tổ bộ môn chưa có học sinh giỏi cấp Thành phố tích cực tìm nguồn xây dựng đội tuyển, bồi dưỡng học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có trình độ đào tạo trên chuẩn, được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Tỷ lệ giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở Mức Tốt cao. Nhà trường không có giáo viên và nhân viên bị kỷ luật.

Tất cả học sinh của trường đều đảm bảo về độ tuổi theo quy định, 100% học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật.

Điểm yếu:

Điểm yếu cơ bản

Trường chưa có giáo viên thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

Trường chưa có nhân viên thư viện

Số lượng học sinh giỏi ở bộ môn Lịch sử, Địa lý còn hạn chế.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 3/4 - Tỉ lệ: 75%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 1/4 - Tỉ lệ: 25%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học**Mở đầu:**

Trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao. Có đủ phòng học đảm bảo cho việc dạy học 02 buổi/ngày. Khu để xe của trường được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường. Hằng năm, thư viện nhà trường đều được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục,... đảm bảo phục vụ cho hoạt động dạy học và các hoạt động khác của nhà trường.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) *Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*
- c) *Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tổng diện tích khuôn viên của nhà trường đang sử dụng ở cơ sở 1 là 676,8 m² và cơ sở 2 là 2046,3 m², có cây xanh, bóng mát [H3-3.1-01]; [H1-1.6-02]. Hằng năm, nhà trường có kế hoạch để thực hiện việc xanh hóa lớp học, xây dựng khuôn viên của trường sạch, thoáng mát [H3-3.1-02].

b) Trường được xây dựng trên khuôn viên riêng biệt, đảm bảo phân bố hướng di chuyển cho các đối tượng học sinh khi ra về, có tường rào bao quanh; cổng trường, biển tên trường được thực hiện đầy đủ và đúng quy định [H3-3.1-02].

c) Diện tích sân chơi ở cả hai cơ sở là 1300 m². Sân chơi được sử dụng làm bãi tập cho học sinh. Do đó, diện tích sân chơi khá nhỏ so với số lượng học sinh của nhà trường [H3-3.1-01].

Mức 2:

Trường có khu sân chơi nhỏ chỉ đáp ứng tốt yêu cầu cơ bản khi tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01].

Mức 3:

Khuôn viên của trường với tổng diện tích là 2723,1m² chỉ đạt 2,7m² /học sinh. Cảnh quan sư phạm và môi trường luôn xanh, sạch, đẹp đảm bảo an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02];

2. Điểm mạnh

Khuôn viên nhà trường luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp.

Việc bố trí tổng thể trong khu vực của nhà trường hợp lý, các khu chức năng được bố trí khoa học và đảm bảo mỹ quan trường học.

3. Điểm yếu

Nhà trường không có khu sân chơi, bãi tập rộng rãi cho học sinh luyện tập thể dục thể thao. Sân chơi hẹp nên hoạt động vui chơi của học sinh trong các giờ ra chơi và sinh hoạt tập thể còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng yêu cầu Tổng phụ trách Đội và giáo viên môn Thể dục thiết kế các hoạt động vui chơi phù hợp với điều kiện của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

Mức 1:

a) *Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;*

b) *Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;*

c) *Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.*

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ phòng học đảm bảo cho việc dạy học 02 buổi/ngày cho tất cả học sinh. Trong mỗi phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Nhà trường có các phòng học bộ môn theo quy định: phòng Lý - Hóa - Sinh, phòng Tin học, phòng Mỹ thuật. Tuy nhiên, phòng bộ môn Lý - Hóa - Sinh chưa được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho giảng dạy của bộ môn [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

c) Nhà trường chưa có phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

b) Khôi phục vụ học tập đầy đủ, đáp ứng yêu cầu cơ bản các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.2-02].

Mức 3:

Trường chưa có đủ các phòng học, phòng học bộ môn có đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định, chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

2. Điểm mạnh

Phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, bảng viết đúng quy cách, bàn ghế phù hợp với học sinh Trung học cơ sở.

3. Điểm yếu

Chưa có phòng bộ môn Vật lí, Hóa học, Sinh học để thực hiện các tiết dạy theo yêu cầu của môn học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 – 2023 và những năm tiếp theo, nhân viên thiết bị sẽ bổ sung, trang bị thêm các thiết bị của bộ môn Khoa học tự nhiên để đảm bảo tốt nhất nhu cầu giảng dạy và học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*
- b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*
- c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Khối hành chính - quản trị nhà trường có đủ phòng của các bộ phận, đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động của nhà trường [H3-3.2-02]; [H3-3.3-01].
- b) Trường có khu vực để xe riêng cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên, khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-02].

c) Nhà trường định kỳ hằng tháng giao bộ phận bảo vệ thực hiện kiểm tra, sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị [H3-3.3-03].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị của trường gồm: phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng hội đồng giáo viên, phòng y tế, phòng bảo vệ, kho được xây dựng theo quy định; trường không có khu bếp, nhà ăn của học sinh riêng biệt, đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho học sinh [H3-3.2-02]; [H3-3.3-01].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị nhà trường có đầy đủ các thiết bị, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Khối hành chính - quản trị của trường được xây dựng theo quy định, có đầy đủ các thiết bị, định kỳ được kiểm tra, sửa chữa, bổ sung, đáp ứng yêu cầu và hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc sắp xếp các thiết bị trong khối hành chính – quản trị còn chưa hợp lý, khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023, Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất hướng dẫn bộ phận thiết bị sắp xếp các thiết bị cho hợp lý, khoa học và định kỳ hằng quý kiểm tra đồng thời báo cáo cho Hiệu trưởng kết quả thực hiện để có nhắc nhở và chấn chỉnh kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường [H3-3.2-02]; [H3-3.4-01].

b) Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng và sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04]. Nước uống của học sinh là nước uống đã được qua hệ thống xử lý nước tinh khiết và đạt chuẩn chất lượng [H3-3.4-05].

c) Nhà trường hợp đồng với công ty dịch vụ công ích để thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường và hợp đồng với trạm y tế phường Linh Chiểu và Linh Tây để gửi và xử lý rác thải y tế [H3-3.4-06]. Tuy nhiên, hệ thống thu gom rác nhà trường còn bị động bởi đơn vị thu gom rác của công ty công ích chưa đều hàng ngày.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh của trường được xây dựng cách biệt với các khu vực khác, đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.2-02]; [H3-3.4-01].

b) Hệ thống cấp nước sạch, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-05]; [H3-3.4-06]. Trường có bố trí các thùng đựng và phân loại rác thải.

2. Điểm mạnh

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch, đạt chuẩn chất lượng đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng và sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Hệ thống thu gom rác nhà trường còn bị động bởi đơn vị thu gom rác chưa đều hàng ngày.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục sử dụng nguồn nước sạch, đạt chuẩn chất lượng đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng và sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Tiếp tục thực hiện thu gom rác và xử lý chất thải theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác đảm bảo cho việc phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01].

b) Nhà trường trang bị định kỳ đầu năm và giữa năm đầy đủ các thiết bị dạy học như tranh ảnh, bản đồ, mô hình, máy cassette, đĩa CD, đĩa VCD, dụng cụ,... đáp ứng yêu cầu danh mục thiết bị tối thiểu theo quy định [H3-3.5-01].

c) Hằng tháng nhà trường thực hiện kiểm kê, sửa chữa, bổ sung các thiết bị văn phòng [H3-3.5-02]; cuối học kỳ 1 và đầu năm học bộ phận thiết bị tiến hành kiểm kê và sửa chữa, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) 100% máy tính của nhà trường được kết nối Internet đảm bảo tốt phục vụ công tác quản lý và hoạt động dạy học [H3-3.5-04].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu theo quy định [H1-1.6-02]; [H3-3.5-01].

c) Hằng năm nhà trường thực hiện bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm [H3-3.5-03].

Mức 3:

Nhà trường có các phòng thí nghiệm thực hành, cơ bản đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên. Tuy nhiên, các thiết bị dạy học tự làm còn ít và chưa được sử dụng hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị dạy học theo quy định, hằng năm thực hiện kiểm kê, sửa chữa, bổ sung các thiết bị. Các thiết bị dạy học được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Các thiết bị dạy học tự làm còn ít và chưa được sử dụng hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 – 2023 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ đẩy mạnh việc tự làm đồ dùng dạy học hằng năm; khuyến khích giáo viên lớn tuổi sử dụng hiệu quả hơn nữa các thiết bị dạy học hiện đại.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện của nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các sách tham khảo đảm bảo phục vụ tốt hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của toàn thể nhà trường [H3-3.6-01].

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng tốt yêu cầu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh: có niêm yết lịch

hoạt động, giới thiệu sách mới, tổ chức hội thi lớn lên cùng sách [H3-3.2-03]; [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

c) Hằng quý thư viện trường được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-02]; [H3-3.6-04];

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên [H3-3.6-04].

Mức 3:

Thư viện có 01 máy tính và được kết nối Internet, tuy nhiên số lượng máy tính còn ít nên chưa đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-02].

2. Điểm mạnh

Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

Hằng năm nhà trường thực hiện kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo cho thư viện.

3. Điểm yếu

Diện tích phòng thư viện nhỏ nên phục vụ bạn đọc còn hạn chế. Số lượng máy tính của thư viện còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 – 2023 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng đề xuất xin mua sắm từ ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa để trang bị thêm máy vi tính nối mạng, tủ sách di động trên các dãy hành lang, tạo điều kiện cho học sinh tham gia đọc sách.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đủ phòng học đảm bảo cho việc dạy học 02 buổi/ngày cho tất cả học sinh. Phòng học được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, có đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị dạy học theo quy định, hằng năm thực hiện kiểm kê, sửa chữa, bổ sung các thiết bị. Các thiết bị dạy học được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường không có khu sân chơi, bãi tập rộng rãi cho học sinh luyện tập thể dục thể thao. Sân chơi hẹp nên hoạt động vui chơi của học sinh trong các giờ ra chơi và sinh hoạt tập thể còn hạn chế.

Diện tích phòng thư viện nhỏ nên phục vụ bạn đọc còn hạn chế. Số lượng máy tính của thư viện còn ít.

Các thiết bị dạy học tự làm còn ít và chưa được sử dụng hiệu quả.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/6 - Tỉ lệ: 33,33%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 4/6 - Tỉ lệ: 66,67%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 0/5 - Tỉ lệ: 0%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 5/5 - Tỉ lệ: 100%

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định; phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động

giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh. Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân được thực hiện đồng bộ để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, Ban đại diện Cha mẹ học sinh của nhà trường đã được thành lập thông qua Đại hội Cha mẹ học sinh được tổ chức vào đầu năm học, theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo. Ban đại diện Cha mẹ học sinh luôn đoàn kết và tôn trọng lẫn nhau. Ban đại diện Cha mẹ học sinh gồm những thành viên tâm huyết với sự nghiệp giáo dục [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường xây dựng quy chế hoạt động theo từng năm học và làm việc cụ thể theo đúng Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh: phối hợp cùng nhà trường trong việc giáo dục, quản lý, chăm sóc con em. Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp thường xuyên liên lạc với giáo viên chủ nhiệm trong việc giáo dục đạo đức học sinh, đặc biệt là học sinh có hoàn cảnh khó khăn,.. [H4-4.1-02].

c) Nhà trường luôn đồng hành, quan tâm tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, địa điểm để Ban đại diện Cha mẹ học sinh của nhà trường sinh hoạt và tổ chức các hoạt động đúng tiến độ theo kế hoạch đã xây dựng. [H4-4.1-03]; [H4-4.1-03].

Mức 2:

Hằng năm, Ban đại diện Cha mẹ học sinh của nhà trường đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh [H4-4.1-04].

Mức 3:

Trong những năm qua, Ban đại diện Cha mẹ học sinh luôn phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh như: giám sát bữa ăn bán trú, sinh hoạt chào cờ đầu tuần, phối hợp giáo dục kỷ luật học sinh,... Tuy nhiên, do điều kiện công tác nên thời gian tham gia các hoạt động sinh hoạt giáo dục học sinh của Ban đại diện Cha mẹ học sinh chưa nhiều [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện Cha mẹ học sinh của nhà trường được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ, trên tinh thần tự nguyện; đảm bảo nguyên tắc dân chủ, đoàn kết và tôn trọng lẫn nhau. Ban đại diện Cha mẹ học sinh gồm những người có điều kiện, tâm huyết với việc giáo dục thế hệ trẻ.

Ban đại diện Cha mẹ học sinh đã làm tốt chức năng phối hợp và tuyên truyền trong công tác giáo dục.

3. Điểm yếu

Thời gian tham gia các hoạt động sinh hoạt giáo dục học sinh của Ban đại diện Cha mẹ học sinh chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp và tạo điều kiện để Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường, lớp hoạt động đúng chức năng, tích cực ủng hộ nhà trường trong tất cả các hoạt động giáo dục.

Hiệu trưởng phối hợp với Trưởng ban đại diện Cha mẹ học sinh nhà trường để phân công các thành viên trong Ban đại diện tham gia hoạt động sinh hoạt giáo dục học sinh hằng quý.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong từng năm học, nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị đã tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy phường Linh Chiểu quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.3-07]; [H4-4.2-01].

b) Nhà trường tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua các buổi họp Chi bộ, họp Hội đồng sư phạm nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.3-07]; [H4-4.2-02].

c) Nhà trường huy động và sử dụng kinh phí các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định như nguồn hoạt động khuyến học và nguồn tài trợ giáo dục từ các mạnh thường quân, giám sát hoạt động thu chi của Ban đại diện Cha mẹ học sinh [H4-4.2-03].

Mức 2:

Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. [H1-1.1-04]; [H1-1.3-02].

b) Công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân được nhà trường thực hiện đồng bộ và chặt chẽ để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử ở địa phương [H1-1.3-03]; [H1-1.3-07]; [H4-4.2-01].

Mức 3:

Công tác tham mưu của nhà trường chưa chủ động và kịp thời với cấp ủy Đảng, chính quyền nên công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

3. Điểm yếu

Do điều kiện thực tế, công tác tham mưu của nhà trường chưa chủ động và kịp thời với cấp ủy Đảng, chính quyền nên công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Tiếp tục huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Chủ động, kịp thời thực hiện công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định; phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục.

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Do điều kiện thực tế, công tác tham mưu của nhà trường chưa chủ động và kịp thời với cấp ủy Đảng, chính quyền nên công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương còn hạn chế.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/2 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/2 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/2 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/2 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 0/2 - Tỉ lệ: 0%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 2/2 - Tỉ lệ: 100%

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong nhiều năm qua, trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngư, thành phố Thủ Đức đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, góp phần đào tạo những công dân tương lai có đủ đức, đủ tài. Bằng việc thực hiện nghiêm thời gian, chương trình giáo dục quy định, không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường nên từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Kết quả hai mặt giáo dục và rèn luyện của học sinh toàn trường luôn ổn định. Mặt khác, kết quả giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cũng được nhà trường chú trọng thực hiện và đạt được nhiều thành tích đáng kể, được các cấp quản lý giáo dục đánh giá cao.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi

đưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, căn cứ vào Kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục [H1-1.7-02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-03]; [H5-5.1-01].

b) Giáo viên của trường vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin để tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Qua đó, học sinh được bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H1-1.4-03]; [H5-5.1-01].

c) Nhà trường thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng quy định, đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả [H1-1.4-03]; [H5-5.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; giáo viên lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H1-1.7-02]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

b) Vào đầu năm học, căn cứ vào kết quả và thành tích đạt được của học sinh ở năm học trước, nhà trường lập danh học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện để lên kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng, phụ đạo học sinh [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường có thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Tuy nhiên, việc thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá chưa đi vào chiều sâu. [H5-5.1-04];

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý và tổ trưởng chuyên môn quản lý chặt chẽ việc thực hiện chương trình giảng dạy của giáo viên, kiểm tra thường xuyên tiến độ thực hiện chương trình, đảm bảo theo đúng kế hoạch thời gian năm học.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường chưa đi vào chiều sâu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm tiếp theo, sau mỗi học kỳ Hiệu trưởng tổ chức công tác rà soát, đánh giá kết quả thực hiện việc tổ chức các hoạt động giáo dục cụ thể hơn, phân tích kỹ và sâu hơn hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

b) Nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo kế hoạch đề ra [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01].

c) Hằng năm nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-03].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo kế hoạch giáo dục [H5-5.2-03].

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận [[H5-5.2-02]; [H5-5.2-03]. Tuy nhiên số lượng học sinh giỏi cấp thành phố đạt chưa cao.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh giỏi cấp quận và thành phố đạt chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 – 2023 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng khuyến khích các em đầu vào đội tuyển học sinh giỏi quận bằng hình thức khen thưởng vào ngày khai giảng, các em đầu giải thành phố được tặng khánh vàng nhằm tạo động lực cho các em trong học tập. Đối với giáo viên, nhà trường sẽ tạo điều kiện cho giáo viên dạy bồi dưỡng trau dồi thêm kiến thức chuyên môn đồng thời có những hình thức khen thưởng xứng đáng, kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở các môn cho học sinh theo kế hoạch [H5-5.3-01].

b) Nhà trường thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả như bài thu hoạch, sản phẩm, báo cáo,... [H5-5.3-02].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, nội dung giáo dục địa phương [H5-5.3-02].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. Tuy nhiên, hình ảnh, tư liệu tham khảo về giáo dục địa phương còn hạn chế và chưa có giáo trình chính thức mặc dù có sự chỉ đạo hướng dẫn của các cấp, giáo viên phải tự tìm tòi và thiết kế bài giảng nên chất lượng và hiệu quả chưa cao.[H5-5.3-02];

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo nội dung giáo dục địa phương lồng ghép trong các tiết học theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thực hiện nghiêm túc chương trình địa phương theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

3. Điểm yếu

Tư liệu giảng dạy về nội dung giáo dục địa phương chưa phong phú vì giáo viên bộ môn không có nhiều thời gian để sưu tầm và biên soạn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 – 2023 và các năm tiếp theo, Chi đoàn và Liên đội xây dựng kế hoạch tổ chức cho học sinh thi tìm hiểu về truyền thống nhà trường, địa phương, qua đó giáo dục các em lòng tự hào, ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy các truyền thống tốt đẹp ở địa phương.

Các tổ chuyên môn thực hiện rà soát và cập nhật tài liệu về giáo dục địa phương trong nội dung giảng dạy của tổ mình. Cán bộ quản lý sẽ kiểm tra, đánh giá vào cuối mỗi năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H5-5.4-01].

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch [[H5-5.4-02].

c) Nhà trường phân công giáo viên có năng lực đồng thời huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H1-1.7-03]; [H2-2.2-01].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp và đạt kết quả thiết thực [H5-5.4-02].

b) Định kỳ nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H1-1.8-01]. Tuy nhiên việc thực hiện rà soát, đánh giá còn chưa kịp thời.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh nhà trường có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn. Tuy nhiên, số lượng học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ rất ít.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường, các hình thức tổ chức phong phú phù hợp và đạt kết quả thiết thực.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp còn chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường, tăng cường các hình thức tổ chức phong phú phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03].

b) Thông qua quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật học sinh có chuyển biến tích cực [H1-1.5-02].

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H1-1.4-05]; [H2-2.4-02].

Mức 2:

a) Thông qua các hoạt động giáo dục, giáo viên hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện [H1-1.5-02]; [H2-2.4-01].

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển. Tuy nhiên số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều và kết quả đạt được chưa cao.

2. Điểm mạnh

Việc giáo dục kỹ năng sống được tổ chức dưới nhiều hình thức: lồng ghép trong giảng dạy các bộ môn, thông qua các buổi sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dã ngoại, tham quan hướng nghiệp, thông qua giờ dạy ngoại khoá.

Nhà trường đã tổ chức cho học sinh học bơi để phòng, chống tai nạn đuối nước; mời các bác sĩ tại trung tâm y tế dự phòng đến giáo dục giới tính, hôn nhân, gia đình cho học sinh.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều và kết quả đạt được chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chuyên môn tiếp tục tạo điều kiện và hỗ trợ cho giáo viên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng về nghiên cứu khoa học để hướng dẫn học sinh đạt kết quả tốt hơn và tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học đến tất cả học sinh của trường để thu hút nhiều học sinh có năng khiếu tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

- *Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.*

b) *Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:*

- *Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;*

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu theo kế hoạch của nhà trường (tỉ lệ học sinh khá, giỏi trên 65%; tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt, khá trên 95%) [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02];

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt chỉ tiêu kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-01];

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-01].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02];

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02]; Tuy nhiên, trường còn học sinh có kết quả học tập chưa đạt yêu cầu do chưa có nỗ lực và thiếu sự quan tâm của gia đình.

Mức 3:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường đạt trên 30% [H5-5.6-01];

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường đạt trên 30% [H5-5.6-01];

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường vượt quá 05 [H5-5.6-01];

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt trên 90%

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Trường không có học sinh bỏ học, tỷ lệ học sinh lưu ban của trường là vượt quá 2%.

2. Điểm mạnh

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường còn học sinh có kết quả học tập chưa cao do thiếu sự quan tâm của gia đình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 – 2023 và các năm tiếp theo, giáo viên chủ nhiệm các lớp sẽ kết hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của cha mẹ học sinh với con em mình. Từ đó giúp các em được cha mẹ quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi hơn để tiến bộ trong học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Điểm yếu:

Số lượng học sinh giỏi cấp thành phố, học sinh tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều và kết quả đạt được chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngự, thành phố Thủ Đức phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động của nhà trường. Qua đó đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, thực hiện các chương trình hoạt động giáo dục, công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh.

Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 5 năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 28/28. Tỷ lệ 100%.
- Số lượng tiêu chí **không đạt** Mức 1: 00/28. Tỷ lệ 0%.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 25/28. Tỷ lệ 89,2%.
- Số lượng tiêu chí **không đạt** Mức 2: 03/28. Tỷ lệ 10,8%.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 03/28. Tỷ lệ 10,8%.
- Số lượng tiêu chí **không đạt** Mức 3: 25/28. Tỷ lệ 89,2%.

Căn cứ Điều 34, Điều 37 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục và công nhận chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngự tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường đạt **Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1**.

Nhà trường sẽ tiếp tục bổ sung hoàn thiện và cải tiến trong quản lý cũng như trong giảng dạy để hoạt động giáo dục của trường ngày càng phát triển hoàn thiện hơn./.

Thành phố Thủ Đức, ngày 15 tháng 12 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Trương Ngọc Diệp

Phần IV
PHỤ LỤC

BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch Chiến lược phát triển nhà trường		Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.1-02]	Biên bản họp công khai chiến lược	Giai đoạn 2016 – 2020, Giai đoạn 2020 - 2025	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.1-03]	Website Trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngu	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.1-04]	Sổ họp Hội đồng trường	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.1-05]	Biên bản rà soát, đánh giá, bổ sung chiến lược định kỳ	Giai đoạn 2016 - 2020	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên văn thư	
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ Hội đồng tuyển sinh	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng xét, công nhận sáng kiến	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Nhân viên văn thư	
	5	[H1-1.2-05]	Hồ sơ Hội đồng Xét tốt nghiệp	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	

Triều chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Triều chí 1.3	6	[H1-1.2-06]	Giấy khen “Tập thể lao động xuất sắc”	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	
	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công Đoàn	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Chủ tịch công đoàn	
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi Đoàn	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Bí thư chi đoàn	
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Liên đội	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Tổng phụ trách Đội	
	4	[H1-1.3-04]	Báo cáo tổng kết Công đoàn	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Chủ tịch công đoàn	
	5	[H1-1.3-05]	Báo cáo tổng kết Chi đoàn	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Bí thư chi đoàn	
	6	[H1-1.3-06]	Báo cáo tổng kết Liên đội	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022	Tổng phụ trách Đội	
	7	[H1-1.3-07]	Hồ sơ Chi bộ	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2023	Bí thư chi bộ	
Triều chí 1.4	8	[H1-1.3-08]	Giấy khen của các tổ chức và đoàn thể	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2023	Bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn, tổng phụ trách đội.	
	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ nhân sự cán bộ quản lý	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.5	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ tổ, nhóm chuyên môn	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Tổ trưởng các tổ bộ môn	
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ tổ Văn phòng	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Tổ trưởng tổ Văn phòng	
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ thực hiện chuyên đề	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	7	[H1-1.4-07]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	8	[H1-1.4-08]	Báo cáo tổng kết năm học	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	1	[H1-1.5-01]	Sổ Gọi tên và ghi điểm (Theo dõi và đánh giá học sinh)	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên học vụ	
	2	[H1-1.5-02]	Hồ sơ Chủ nhiệm	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Giáo viên chủ nhiệm	
Tiêu chí 1.6	3	[H1-1.5-03]	Sổ đăng bộ	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên học vụ	
	1	[H1-1.6-01]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	2	[H1-1.6-02]	Sổ quản lý tài chính, tài sản	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
	3	[H1-1.6-03]	Sổ quản lý cấp phát văn bản, chứng chỉ	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên học vụ	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	[H1-1.6-04]	Sổ theo dõi học sinh chuyển đến, chuyển đi	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên học vụ	
	5	[H1-1.6-05]	Học bạ của học sinh	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên học vụ	
	6	[H1-1.6-06]	Sổ ghi đầu bài	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên học vụ	
	7	[H1-1.6-07]	Hồ sơ quản lý tài chính	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
	8	[H1-1.6-08]	Sổ quản lý thiết bị đồ dùng dạy học	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên thiết bị	
	9	[H1-1.6-09]	Quy chế Chi tiêu nội bộ của nhà trường	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	10	[H1-1.6-10]	Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	11	[H1-1.6-11]	Các biên bản kiểm tra, kết luận, thông báo liên quan của các cấp có thẩm quyền về tài chính, sử dụng tài sản	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
	12	[H1-1.6-12]	Các phần mềm quản lý tài sản, cơ sở vật chất	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
	13	[H1-1.6-13]	Kế hoạch tài chính	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên và nhân viên	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.8	2	[H1-1.7-02]	Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	3	[H1-1.7-03]	Đề án vị trí việc làm	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	4	[H1-1.7-04]	Báo cáo Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	5	[H1-1.7-05]	Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ của cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên y tế	
	6	[H1-1.7-06]	Hồ sơ Thi đua	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	7	[H1-1.7-07]	Giấy khen của đơn vị	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.8-02]	Thời khóa biểu	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.8-03]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.8-04]	Biên bản sinh hoạt của tổ chuyên môn	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.8-05]	Hồ sơ quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ công khai	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	2	[H1-1.9-02]	Biên bản họp Hội đồng sư phạm	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.9-03]	Hồ sơ thực hiện Quy chế dân chủ	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	4	[H1-1.9-04]	Biên bản họp Liên tịch	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án an toàn phòng cháy chữa cháy, ngộ độc thực phẩm, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.10-02]	Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên y tế	
	3	[H1-1.10-03]	Hình ảnh chuyên đề phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.10-04]	Văn bản phối hợp với địa phương đảm bảo an ninh trật tự	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.10-05]	Giấy chứng nhận cơ sở vệ vệ sinh an toàn thực phẩm	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên y tế	
	6	[H1-1.10-06]	Phiếu xét nghiệm nước sinh hoạt	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên y tế	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 2.1	7	[H1-1.10-07]	Kê hoạch xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	8	[H1-1.10-08]	Sổ trực bảo vệ	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên Bảo vệ	
	9	[H1-1.10-09]	Hình ảnh hộp thư học đường	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	10	[H1-1.10-10]	Hình ảnh Điều em muốn nói	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.2	11	[H1-1.10-11]	Giấy khen về thành tích đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của nhà trường	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn nghề nghiệp của Hiệu trưởng	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn nghề nghiệp của Phó Hiệu trưởng	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.2-01]	Bảng thống kê trình độ giáo viên, nhân viên	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	2	[H2-2.2-02]	Hồ sơ cá nhân của giáo viên	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	
	3	[H2-2.2-03]	Hình ảnh giáo viên tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Hồ sơ nhân viên	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Danh sách học sinh nhận học bổng, miễn giảm học phí	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên kế toán	
	1	[H3-3.1-01]	Hình ảnh sân chơi và bãi tập được láng bê tông	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên thiết bị	
Tiêu chí 3.1	2	[H3-3.1-03]	Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh các phòng học.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 3.2	2	[H3-3.2-02]	Sơ đồ tổng thể của nhà trường.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	3	[H3-3.2-03]	Biên bản kiểm tra tài sản	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	4	[H3-3.2-04]	Hình ảnh về kích thước, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế học sinh trong các phòng học.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	5	[H3-3.2-05]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về phòng học của nhà trường	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh các khối phòng hành chính	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 3.3	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh khu vực nhà xe giáo viên, học sinh.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H3-3.3-03]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về khối phòng hành chính và khu vực để xe giáo viên, học sinh của nhà trường	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh khu nhà vệ sinh của nhà trường.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H3-3.4-02]	Giấy chứng nhận nước uống đạt tiêu chuẩn, nguồn nước sạch của ngành y tế.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên y tế	
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng thu gom rác.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên y tế	
	4	[H3-3.4-04]	Hóa đơn thu tiền nước hàng tháng	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên kế toán	
	5	[H3-3.4-05]	Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên y tế	
	6	[H3-3.4-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về khu vệ sinh và hệ thống thoát nước của nhà trường	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên y tế	
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Danh mục thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học hiện có của nhà trường	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên thiết bị	
	2	[H3-3.5-02]	Thông kê danh mục thiết bị dạy học do giáo viên tự làm.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên thiết bị	
	3	[H3-3.5-03]	Số đăng ký mượn đồ dùng dạy học.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên thiết bị	
	4	[H3-3.5-04]	Hợp đồng hoặc hợp đồng mua đồ dùng, thiết bị dạy học hằng năm	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên thiết bị	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hồ sơ quản lý thư viện.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên thư viện	
	2	[H3-3.6-02]	Biên bản kiểm tra của cơ quan cấp trên	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên thư viện	
	3	[H3-3.6-03]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác quản lý thư viện của nhà trường	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên thư viện	
	4	[H3-3.6-04]	Quyết định công nhận Thư viện tiên tiến	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Nhân viên thư viện	
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	3	[H4-4.1-03]	Báo cáo về hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	4	[H4-4.1-04]	Biên bản các cuộc họp cha mẹ học sinh.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	5	[H4-4.1-05]	Báo cáo của nhà trường tổng kết hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Các văn bản của nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.1-02]	Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Giáo viên	
	3	[H5-5.1-03]	Danh sách học sinh có năng khiếu, học sinh khó khăn trong học tập	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	4	[H5-5.1-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.2-02]	Các báo cáo chuyên đề, đề tài của học sinh năng khiếu	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	3	[H5-5.2-03]	Bảo cáo sơ kết, tổng kết về hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.3-02]	Bảo cáo sơ kết, tổng kết về thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch thực hiện các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.4-02]	Bảo cáo sơ kết, tổng kết về thực hiện các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 5.6	2	[H5-5.5-02]	Hình ảnh về hoạt động kỹ năng sống của học sinh	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H5-5.5-03]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về thực hiện định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh.	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	1	[H5-5.6-01]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về kết quả giáo dục của nhà trường	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.6-02]	Hình ảnh về kết quả học tập của học sinh	Năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	